

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2020/HNGĐ- ST

Ngày: 30/9/2020

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thành.
2. Ông Dương Văn Sinh.

- Thư ký phiên toà: Ông Đặng Thái Long - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở TAND thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2020/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/9/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Trần Văn Q**, sinh năm 1983;

Đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Xóm 3, thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Chị **Vũ Thị Hồng T**, sinh năm 1984;

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 3, thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Chỗ ở hiện nay: Khu dân cư T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Anh Q và chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn là Trần Văn Q trình bày: anh và chị T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 03-01-2017, có đăng ký tại UBND xã N, huyện N, Hải Dương. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại gia đình anh. Đến cuối năm 2017, giữa hai vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị đã lớn tuổi, thời gian tìm hiểu chưa lâu nên khi về chung sống đã có nhiều bất đồng quan điểm từ những vấn đề nhỏ nhất trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày. Tình trạng này kéo dài khiến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, thậm chí xô xát nhẹ. Anh chị đã tìm cách khắc phục và hai bên gia đình đã động viên hòa giải nhưng không có kết quả mà ngày càng trầm trọng hơn. Tháng 11 năm 2019, anh đã làm đơn ra Tòa án xin ly hôn chị T nhưng sau đó rút đơn để vợ chồng có điều kiện tiếp tục chung sống. Nhưng chỉ một thời gian ngắn sau thì vợ chồng lại cãi nhau nên anh đã đưa chị T về nhà bố mẹ đẻ ở phường Đ, thành phố C. Kể từ đó cả hai không còn quan tâm đến cuộc sống chung của nhau. Anh xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T.

Về con chung: Vợ chồng có 1 con chung là Trần Phú Tr, sinh ngày 07/11/2017. Hiện nay cháu đang ở với chị T. Khi ly hôn anh đề chị T được nuôi dưỡng cháu Tr vì cháu chưa đủ 3 tuổi. Nếu chị T yêu cầu anh cấp dưỡng tiền nuôi con chung thì anh cũng chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 25/6/2020, bị đơn là chị Vũ Thị Hồng T trình bày: chị và anh Quý kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã N, huyện N vào năm 2017. Quá trình chung sống đến khi sinh con thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống về việc chăm sóc con khiến vợ chồng hay cãi nhau. Bên cạnh đó giữa chị và bố mẹ anh Q cũng có mâu thuẫn nên nhiều lần chị đã phải bỏ về nhà bố mẹ đẻ một thời gian để giảm bớt mâu thuẫn rồi quay trở lại tiếp tục chung sống. Tháng 2 năm 2020, sau một lần cãi nhau, chị đã sống ly thân anh Q. Sau đó anh Q có đến chơi với con nhưng không có ý định đón chị về. Chị cũng gặp anh Q và gia đình anh ấy để xin lỗi nhưng anh Q không đồng ý. Nay anh Q có đơn xin ly hôn thì chị mong vợ chồng đoàn tụ để tiếp tục nuôi dạy con chung.

Về con chung: Vợ chồng có 1 con chung là Trần Phú Tr, sinh ngày 07/11/2017. Hiện nay cháu đang ở với chị. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi

dưỡng cháu Tr vì cháu chưa đủ 3 tuổi và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi có bản tự khai, chị T không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để Tòa án lấy lời khai cũng như tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Ông Trần Văn T là bố đẻ của anh Q trình bày: Anh Q và chị T kết hôn năm 2017 trên cơ sở tự do tìm hiểu, có đăng ký tại UBND xã N và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi cưới, vợ chồng anh chị chung sống với nhau ở riêng nhà nhưng trên cùng mảnh đất với gia đình ông. Chỉ một thời gian ngắn đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau về tính cách và quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Tháng 9 năm 2019, anh Q đã làm đơn ly hôn tại Tòa án nhưng sau đó chị T có xin lỗi nên anh Q đã nghĩ lại và rút đơn. Nhưng chị T vẫn không thay đổi. Từ khi Tòa án giải quyết ly hôn, chị T có về nói chuyện với gia đình ông để tiếp tục chung sống nhưng anh Q không đồng ý. Ông muốn cho vợ chồng chung sống nhưng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, căng thẳng kéo dài, đã hòa giải, nói chuyện và tìm nhiều biện pháp nhưng không thay đổi được. Nếu anh chị ấy có chung sống cùng nhau thì cũng chỉ được một thời gian ngắn là cãi nhau. Vì vậy ông nghĩ giải pháp ly hôn là phù hợp để cho anh chị ổn định cuộc sống riêng.

Vợ chồng anh chị có 1 con Trần Phú Tr, sinh ngày 07/11/2017. Hiện nay cháu đang ở với chị T vì cháu chưa đủ 3 tuổi nên việc giao con cho ai thì do tòa án quyết định.

Về tài sản chung, công sức đóng góp với gia đình ông thì anh Quý chị Thanh không có tài sản chung, không có đóng góp gì.

Ông Vũ Chí L và bà Mạc Thị K là bố, mẹ đẻ của chị T trình bày: Quá trình chung sống vợ chồng anh Q chị T nảy sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng trong cuộc sống, cũng như bất đồng giữa chị T với gia đình chồng. Khi vợ chồng cãi nhau thì gia đình chồng không hòa giải mà còn tác động thêm khiến sự việc thêm phức tạp. Anh Q là chồng nhưng không điều hòa được mối quan hệ trong gia đình nên mâu thuẫn giữa anh chị càng trầm trọng. Đã nhiều lần chị T phải về nhà ông bà sinh sống, sau đó quay lại nhà anh Q nhưng mâu thuẫn vẫn không cải thiện. Ông bà đã khuyên chị Thanh không nên tiếp tục chung sống với anh Q nhưng chị T muốn con có cả bố và mẹ nên không đồng ý. Quan điểm của ông bà là đề nghị

Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn. Ông bà sẽ tạo điều kiện mọi mặt để hỗ trợ chị Thanh nuôi dưỡng con chung là cháu Trần Phú Tr.

Tại phiên tòa, anh Q và chị T đều không có mặt.

Đại diện VKSND thành phố Chí Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 58, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trần Văn Q được ly hôn chị Vũ Thị Hồng T.

Về con chung: Giao cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Trần Phú Tr, sinh ngày 07/11/2017. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh Quý cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: anh Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Anh Trần Văn Q khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung với chị Vũ Thị Hồng T có địa chỉ thường trú tại phường Đ, thành phố C. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Q và chị T đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Q và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 03/01/2017 tại UBND xã N,

huyện N, tỉnh Hải Dương nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, giữa anh chị đã nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do bất đồng quan điểm từ những vấn đề nhỏ nhất trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng con. Ngoài ra mối quan hệ giữa chị T và gia đình anh Q cũng có nhiều mâu thuẫn. Chị T đã nhiều lần về nhà bố mẹ để sinh sống và hai bên gia đình cũng tìm nhiều biện pháp hòa giải nhưng không có kết quả. Tháng 11 năm 2019 anh Q đã xin ly hôn với chị T tại Tòa án nhưng sau đó rút đơn. Tuy nhiên tình trạng vợ chồng không được cải thiện mà mâu thuẫn còn trở nên trầm trọng hơn. Kể từ tháng 2 năm 2020, chị T và anh Q đã sống ly thân. Chị T không muốn ly hôn nhưng không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn, không đến Tòa án theo giấy triệu tập để Tòa án hòa giải mâu thuẫn vợ chồng. Như vậy hôn nhân của anh chị đã lâm vào trình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Q là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Vợ chồng chị có 1 con chung là Trần Phú Tr, sinh ngày 07/11/2017. Hiện nay cháu đang ở với chị T. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng. Anh Q cũng chấp nhận điều này. Do cháu Tr chưa đủ 3 tuổi nên cần giao cháu cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của hai bên, phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh Q cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[2.4]. Về án phí: Anh Q là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử chấp nhận yêu cầu của anh Trần Văn Q,

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trần Văn Q được ly hôn chị Vũ Thị Hồng T.

2. Về con chung: Giao cho chị Vũ Thị Hồng T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Trần Phú Tr, sinh ngày 07/11/2017 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh Q cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị.

Anh Q có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Trần Văn Q phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà anh Q đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0006396 ngày 04/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, anh Q đã thi hành xong nghĩa vụ về án phí.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Chí Linh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- UBND xã N, huyện N;
- Lưu: Tòa án, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Hà